

(Đề thi có 05 trang)

Họ và tên học sinh : ..... Số báo danh : .....

Mã đề 058

**Câu 1.** Nhiệt độ ngoài trời của một thành phố vào các thời điểm khác nhau trong ngày có thể được mô phỏng bởi công thức:  $h(t) = 28 - 2 \cos \frac{\pi}{10}(t - 5)$  với  $h$  tính bằng độ C và  $t$  là thời gian trong ngày tính bằng giờ. Gọi  $a$  giờ là thời gian của một thành phố trên có nhiệt độ ngoài trời thấp nhất trong ngày. Khi đó  $a$  giờ nằm trong khoảng thời gian nào trong các khoảng thời gian sau đây:

- A. 2 giờ 31 phút đến 4 giờ.                      B. 4 giờ 30 phút đến 6 giờ.  
C. 1 giờ đến 2 giờ 30 phút.                      D. 22 giờ đến 23 giờ 40 phút.

**Câu 2.** Cho hai phương trình  $\cos 3x - 1 = 0$ ;  $\cos 2x = -\frac{1}{2}$ . Tập các nghiệm của phương trình này đồng thời là nghiệm của phương trình kia là:

- A.  $x = \pm \frac{\pi}{3} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$    B.  $x = \pm \frac{2\pi}{3} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$    C.  $x = \frac{\pi}{3} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$    D.  $x = k2\pi, k \in \mathbb{Z}$ .

**Câu 3.** Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào sai?

- A. Hai đường thẳng chéo nhau thì không có điểm chung.  
B. Hai đường thẳng phân biệt không cắt nhau, không song song với nhau thì chéo nhau.  
C. Hai đường thẳng chéo nhau khi và chỉ khi chúng không đồng phẳng.  
D. Hai đường thẳng không có điểm chung thì chéo nhau.

**Câu 4.** Cho phương trình  $4 \sin x \cdot \sin \left(x + \frac{\pi}{3}\right) \cdot \sin \left(x + \frac{2\pi}{3}\right) + \cos 3x = 1$ . Số nghiệm của phương trình trong khoảng  $[0; 5\pi]$  là

- A. 18   B. 16   C. 15   D. 17

**Câu 5.** Trong các hàm số sau, hàm số nào là hàm số chẵn?

- A.  $y = \sin x$ .                      B.  $y = \cos x$ .                      C.  $y = \tan x$ .                      D.  $y = \cot x$ .

**Câu 6.** Cho cấp số nhân  $u_1, u_2, u_3, \dots, u_n$  với công bội  $q (q \neq 0; q \neq 1)$ . Đặt  $S_n = u_1 + u_2 + \dots + u_n$ . Khi đó ta có:

- A.  $S_n = \frac{u_1(q^n + 1)}{q + 1}$    B.  $S_n = \frac{u_1(q^n - 1)}{q - 1}$    C.  $S_n = \frac{u_1(q^{n-1} - 1)}{q + 1}$    D.  $S_n = \frac{u_1(q^{n-1} - 1)}{q - 1}$ .

**Câu 7.** Cho tứ diện  $ABCD$ . Điểm  $M$  thuộc đoạn  $AC$  ( $M$  khác  $A$ ,  $M$  khác  $C$ ). Mặt phẳng  $(\alpha)$  đi qua  $M$  song song với  $AB$  và  $AD$ . Thiết diện của  $(\alpha)$  với tứ diện  $ABCD$  là hình gì?

- A. Hình vuông                      B. Hình bình hành                      C. Hình tam giác                      D. Hình chữ nhật

**Câu 8.** Cho tứ diện đều  $ABCD$  có cạnh bằng 2. Gọi  $G$  là trọng tâm tam giác  $ABC$ . Mặt phẳng  $(GCD)$  cắt  $AB$  tại  $M$ . Tính diện tích của tam giác  $CDM$ .

- A.  $\sqrt{3}$    B.  $\sqrt{2}$    C.  $2\sqrt{3}$    D.  $\frac{2\sqrt{2}}{3}$ .

**Câu 9.** Với mọi góc  $\alpha, \beta$  đẳng thức nào sau đây sai?

- A.  $\sin \alpha + \sin \beta = 2 \sin \frac{\alpha + \beta}{2} \cos \frac{\alpha - \beta}{2}$ .                      B.  $\cos \alpha + \cos \beta = 2 \cos \frac{\alpha + \beta}{2} \cos \frac{\alpha - \beta}{2}$ .  
C.  $\sin \alpha - \sin \beta = 2 \cos \frac{\alpha + \beta}{2} \sin \frac{\alpha - \beta}{2}$ .                      D.  $\cos \alpha - \cos \beta = -2 \cos \frac{\alpha + \beta}{2} \sin \frac{\alpha - \beta}{2}$ .

**Câu 10.** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình bình hành. Gọi  $M, N$  lần lượt là trung điểm của

các cạnh  $SB, SD; K$  là giao điểm của mặt phẳng  $(AMN)$  và đường thẳng  $SC$ . Tỉ số  $\frac{SK}{SC}$  bằng

- A.  $\frac{1}{2}$ .      B.  $\frac{1}{3}$ .      C.  $\frac{1}{4}$ .      D.  $\frac{2}{3}$ .

**Câu 11.** Mệnh đề nào sau đây là sai?

- A. Hàm số  $y = \sin x$  tuần hoàn với chu kì  $2\pi$ .  
 B. Hàm số  $y = \cot x$  tuần hoàn với chu kì  $\pi$ .  
 C. Hàm số  $y = \tan x$  tuần hoàn với chu kì  $2\pi$ .  
 D. Hàm số  $y = \cos x$  tuần hoàn với chu kì  $2\pi$ .

**Câu 12.** Khẳng định nào sau đây đúng với mọi giá trị  $x$  để biểu thức có nghĩa ?

- A.  $\cos 2x = \cos^2 x - 1$ .      B.  $\sin 2x = 2 \sin x$   
 C.  $\sin 2x = 2 \sin x \cos x$       D.  $\cos 2x = 1 - \sin^2 x$

**Câu 13.** Đổi số đo của góc  $\alpha = 120^\circ$  sang radian ta được

- A.  $\frac{\pi}{2}$ .      B.  $\frac{3\pi}{4}$ .      C.  $\frac{2\pi}{3}$ .      D.  $\frac{\pi}{3}$ .

**Câu 14.** Tìm tập xác định  $D$  của hàm số  $y = \frac{1 + \sin x}{\cos x - 1}$ .

- A.  $D = \mathbb{R}$ .      B.  $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{2} + k\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$ .  
 C.  $D = \mathbb{R} \setminus \{k\pi, k \in \mathbb{Z}\}$ .      D.  $D = \mathbb{R} \setminus \{k2\pi, k \in \mathbb{Z}\}$ .

**Câu 15.** Cho cấp số cộng  $(u_n)$  có  $u_1 = -2$  và công sai  $d = 3$ . Tìm số hạng  $u_{10}$ .

- A.  $u_{10} = -2 \cdot 3^9$ .      B.  $u_{10} = 28$ .      C.  $u_{10} = 25$ .      D.  $u_{10} = -29$ .

**Câu 16.** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình thang cạnh đáy  $AB$ . Gọi  $d$  là giao tuyến của hai mặt phẳng  $(SAB)$  và  $(SCD)$ . Khẳng định nào sau đây đúng?

- A.  $d$  qua  $S$  và song song với  $BC$ .  
 B.  $d$  qua  $S$  và song song với  $BD$ .  
 C.  $d$  qua  $S$  và song song với  $AD$   
 D.  $d$  qua  $S$  và song song với  $AB$ .

**Câu 17.** Doanh thu (triệu đồng) bán hàng trong 20 ngày được lựa chọn ngẫu nhiên của một cửa hàng được ghi lại ở bảng sau:

Doanh thu	[5; 7)	[7; 9)	[9; 11)	[11; 13)	[13; 15)
Số ngày	2	7	7	3	1

Trung vị của mẫu số liệu trên thuộc nhóm nào dưới đây?

- A. [9; 11).      B. [7; 9).      C. [11; 13).      D. [13; 15).

**Câu 18.** Trên một bàn cờ có nhiều ô vuông, người ta đặt 7 hạt dẻ vào ô đầu tiên, sau đó đặt tiếp vào ô thứ hai số hạt nhiều hơn ô thứ nhất là 5, tiếp tục đặt vào ô thứ ba số hạt nhiều hơn ô thứ hai là 5, ... và cứ thế tiếp tục đến ô thứ  $n$ . Biết rằng đặt hết số ô trên bàn cờ người ta phải sử dụng 25450 hạt. Hỏi bàn cờ đó có bao nhiêu ô vuông?

- A. 104.      B. 98.      C. 100.      D. 102.

**Câu 19.** Cho hai đường thẳng phân biệt  $a, b$  và mặt phẳng  $(\alpha)$ . Giả sử  $a // (\alpha)$  và  $b // (\alpha)$ . Mệnh đề nào sau đây đúng?

- A.  $a$  và  $b$  chéo nhau.  
 B.  $a$  và  $b$  hoặc song song hoặc chéo nhau.  
 C.  $a$  và  $b$  không có điểm chung.  
 D.  $a$  và  $b$  hoặc song song hoặc chéo nhau hoặc cắt nhau.

**Câu 20.** Dãy số nào sau đây **không** phải là cấp số cộng?

- A. 2; 5; 8; 11; 14...      B. 2; 4; 8; 10; 14...      C. 1; 2; 3; 4; 5; 6...      D. 15; 10; 5; 0; -5; ...

**Câu 21.** Một gia đình mua một chiếc ô tô giá 800 triệu đồng. Trung bình sau mỗi năm sử dụng, giá trị còn lại của ô tô giảm đi 4%. Sau 10 năm, giá trị của ô tô ước tính còn bao nhiêu triệu đồng( Làm tròn đến hàng triệu)?

- A. 480 triệu đồng.      B. 564 triệu đồng.      C. 532 triệu đồng.      D. 600 triệu đồng.

**Câu 22.** Cho hình chóp S.ABCD với đáy là tứ giác ABCD có các cạnh đối không song song. Giả sử  $AC \cap BD = O, AD \cap BC = I$ . Giao tuyến của hai mặt phẳng (SAC) và (SBD) là:

- A. SC      B. SB      C. SI      D. SO

**Câu 23.** Cho  $\cot \alpha = 3$ . Khi đó  $\frac{3 \sin \alpha - 2 \cos \alpha}{12 \sin^3 \alpha + 4 \cos^3 \alpha}$  có giá trị bằng:

- A.  $-\frac{5}{4}$ .      B.  $\frac{1}{4}$ .      C.  $\frac{3}{4}$ .      D.  $-\frac{1}{4}$ .

**Câu 24.** Một chiếc đồng hồ có kim giờ  $OG$  chỉ số 9 và kim phút  $OP$  chỉ số 12. Số đo của góc lượng giác  $(OG, OP)$  là

- A.  $\frac{\pi}{2} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$ .      B.  $\frac{9\pi}{10} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$ .  
C.  $-90^\circ + k360^\circ, k \in \mathbb{Z}$ .      D.  $-270^\circ + k360^\circ, k \in \mathbb{Z}$ .

**Câu 25.** Nghiệm của phương trình  $\tan x = -\sqrt{3}$  là

- A.  $x = \frac{\pi}{6} + k\pi, k \in \mathbb{Z}$ .      B.  $x = \frac{\pi}{3} + k\pi, k \in \mathbb{Z}$ .  
C.  $x = -\frac{\pi}{3} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$ .      D.  $x = -\frac{\pi}{3} + k\pi, k \in \mathbb{Z}$ .

**Câu 26.** Cho cấp số cộng  $(u_n)$  có  $u_1 = 3$ , công sai  $d = 2$ . Tổng 20 số hạng đầu tiên của cấp số cộng đã cho bằng

- A. 480.      B. 420.      C. 610.      D. 440.

**Câu 27.** Điều tra về điểm kiểm tra giữa HKI của 36 học sinh lớp 11A ta được kết quả sau:

Điểm	[0; 2)	[2; 4)	[4; 6)	[6; 8)	[8; 10)
Tần số	1	5	9	14	7

Điểm trung bình của 36 học sinh trên gần nhất với số nào dưới đây?

- A. 6,4.      B. 6,2.      C. 6,0.      D. 6,6.

**Câu 28.** Số nghiệm của phương trình  $\sin\left(x + \frac{\pi}{3}\right) - \sin 3x = 0$  trong khoảng  $\left(-\frac{\pi}{3}; \frac{13\pi}{3}\right)$  là

- A. 11.      B. 8.      C. 9.      D. 10.

**Câu 29.** Nếu  $\tan \alpha$  và  $\tan \beta$  là hai nghiệm của phương trình  $x^2 - px + q = 0$  ( $q \neq 0$ ) thì giá trị biểu thức  $P = \cos^2(\alpha + \beta) + p \sin(\alpha + \beta) \cdot \cos(\alpha + \beta) + q \sin^2(\alpha + \beta)$  bằng:

- A.  $p$ .      B.  $q$ .      C. 1.      D.  $\frac{p}{q}$ .

**Câu 30.** Cho góc lượng giác  $\alpha$  thỏa mãn  $\frac{3\pi}{2} < \alpha < 2\pi$ . Khẳng định nào dưới đây đúng?

- A.  $\sin \alpha > 0; \cos \alpha > 0$ .      B.  $\sin \alpha < 0; \cos \alpha < 0$ .      C.  $\sin \alpha > 0; \cos \alpha < 0$ .      D.  $\sin \alpha < 0; \cos \alpha > 0$ .

**Câu 31.** Cho bốn điểm  $A, B, C, D$  không đồng phẳng. Gọi  $M, N$  lần lượt là trung điểm của  $AC$  và  $BC$ . Trên đoạn  $BD$  lấy điểm  $P$  sao cho  $BP = 2PD$ . Giao điểm của đường thẳng  $CD$  và mặt phẳng  $(MNP)$  là giao điểm của

- A.  $CD$  và  $MN$ .      B.  $CD$  và  $MP$ .      C.  $CD$  và  $NP$ .      D.  $CD$  và  $AP$ .

**Câu 32.** Tìm giá trị nhỏ nhất  $m$  của hàm số  $y = -\sqrt{2} \sin(2023x + 2024)$ .

- A.  $m = -2023\sqrt{2}$ .      B.  $m = -\sqrt{2}$ .      C.  $m = -1$ .      D.  $m = -2024\sqrt{2}$ .

**Câu 33.** Đơn giản biểu thức  $A = \frac{2\cos^2 x - 1}{\sin x + \cos x}$  ta có

- A.  $A = -\sin x - \cos x$ .    B.  $A = \cos x - \sin x$ .    C.  $A = \cos x + \sin x$ .    D.  $A = \sin x - \cos x$ .

**Câu 34.** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình thoi. Trong các cặp đường thẳng sau, cặp đường thẳng nào cắt nhau?

- A.  $AB$  và  $CD$ .    B.  $SB$  và  $CD$ .    C.  $SD$  và  $BC$ .    D.  $AC$  và  $BD$

**Câu 35.** Xác định  $x$  để 3 số  $2x-1; x; 2x+1$  theo thứ tự lập thành một cấp số nhân.

- A.  $x = \pm \frac{1}{3}$     B.  $x = \pm \sqrt{3}$     C.  $x = \pm \frac{1}{\sqrt{3}}$     D.  $x \in \emptyset$

**Câu 36.** Nghiệm của phương trình  $\sin x = \frac{\sqrt{2}}{2}$  là

- A.  $\begin{cases} x = \frac{\pi}{4} + k2\pi \\ x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi \end{cases} (k \in \mathbb{Z}).$     B.  $\begin{cases} x = \frac{\pi}{4} + k\pi \\ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi \end{cases} (k \in \mathbb{Z}).$
- C.  $\begin{cases} x = \frac{\pi}{4} + k2\pi \\ x = \frac{3\pi}{4} + k2\pi \end{cases} (k \in \mathbb{Z}).$     D.  $\begin{cases} x = \frac{\pi}{4} + k\pi \\ x = \frac{3\pi}{4} + k\pi \end{cases} (k \in \mathbb{Z}).$

**Câu 37.** Cho tứ diện  $ABCD$ ,  $G$  là trọng tâm  $\triangle ABD$  và  $M$  là điểm trên cạnh  $BC$  sao cho  $BM = 2MC$ . Đường thẳng  $MG$  song song với mặt phẳng nào sau đây?

- A.  $(ACD)$ .    B.  $(ABC)$ .    C.  $(ABD)$ .    D.  $(BCD)$ .

**Câu 38.** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình thang, đáy lớn là  $CD$ . Gọi  $M$  là trung điểm của  $SA$ ,  $N$  là giao điểm của cạnh  $SB$  và mặt phẳng  $(MCD)$ . Mệnh đề nào sau đây đúng?

- A.  $MN$  và  $SC$  cắt nhau.    B.  $MN$  và  $CD$  chéo nhau.  
C.  $MN$  và  $SD$  cắt nhau.    D.  $MN \parallel CD$ .

**Câu 39.** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình thang đáy  $AD$  và  $BC$ . Gọi  $M$  là trọng tâm tam giác  $SAD$ ,  $N$  là điểm thuộc đoạn  $AC$  sao cho  $NA = \frac{NC}{2}$ ,  $P$  là điểm thuộc đoạn  $CD$  sao cho  $PD = \frac{PC}{2}$ .

Khi đó, mệnh đề nào sau đây đúng?

- A. Giao tuyến của hai mặt phẳng  $(SBC)$  và  $(MNP)$  là một đường thẳng song song với  $BC$ .  
B.  $(MNP) \parallel (SAD)$ .  
C.  $MN$  cắt  $(SBC)$ .  
D.  $MN \parallel (SBC)$  và  $(MNP) \parallel (SBC)$

**Câu 40.** Các giá trị của  $m$  thỏa mãn phương trình  $\sin\left(x - \frac{\pi}{4}\right) = 2m + 1$  có nghiệm là

- A.  $m \in [0; 1]$ .    B.  $m \in [-1; 0]$ .    C.  $m \in [-2; 0]$ .    D.  $m \in [-1; 1]$ .

**Câu 41.** Cho dãy số  $(u_n)$  là một cấp số nhân có số hạng đầu  $u_1$  và công bội  $q$ . Đẳng thức nào sau đây đúng?

- A.  $u_n = q \cdot (u_1)^{n-1}$ ,  $(n \geq 2)$ .    B.  $u_n = \frac{u_1}{q^{n-1}}$ ,  $(n \geq 2)$ .    C.  $u_n = u_1 + (n-1)q$ ,  $(n \geq 2)$ .    D.  $u_n = u_1 q^{n-1}$ ,  $(n \geq 2)$ .

**Câu 42.** Cho  $\sin \alpha = \frac{1}{2}$ ,  $\cos \alpha = -\frac{\sqrt{3}}{2}$ . Khi đó  $\sin 2\alpha$  bằng:

- A.  $\frac{\sqrt{3}}{2}$ .    B.  $-\frac{\sqrt{3}}{2}$ .    C.  $\sqrt{3}$ .    D.  $-\frac{2}{\sqrt{3}}$ .

**Câu 43.** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình bình hành. Gọi  $M, N, P, Q$  lần lượt là trung điểm của các cạnh bên  $SA, SB, SC, SD$ . Tứ giác  $MNPQ$  là hình gì?

- A. Tứ giác  $MNPQ$  là hình thoi.  
 B. Tứ giác  $MNPQ$  là hình vuông.  
 C. Tứ giác  $MNPQ$  là hình bình hành.  
 D. Tứ giác  $MNPQ$  là hình chữ nhật.

**Câu 44.** Dãy số nào sau đây là dãy số tăng?

- A. 1;3;5;7;9.    B. 10;8;6;4;2.    C. 1;5;3;7;9.    D. 1;1;1;1;1.

**Câu 45.** Đo chiều cao (tính bằng  $cm$ ) của 500 học sinh trong một trường THPT ta thu được kết quả như sau:

Chiều cao	[150;154)	[154;158)	[158;162)	[162;166)	[166;170)
Số học sinh	25	50	200	175	50

Mẫu số liệu ghép nhóm đã cho có tất cả bao nhiêu nhóm?

- A. 5.    B. 6.    C. 7.    D. 12.

**Câu 46.** Tìm khẳng định **ĐÚNG** trong các khẳng định sau:

- A. Qua hai điểm phân biệt có duy nhất một mặt phẳng.  
 B. Qua ba điểm phân biệt bất kì có duy nhất một mặt phẳng.  
 C. Qua bốn điểm phân biệt bất kì có duy nhất một mặt phẳng.  
 D. Qua ba điểm phân biệt không thẳng hàng có duy nhất một mặt phẳng.

**Câu 47.** Thống kê về nhiệt độ tại một địa điểm trong 30 ngày, ta có bảng số liệu sau:

Nhiệt độ ( $^{\circ}C$ )	[18; 22)	[22; 25)	[25; 28)	[28; 31)	[31; 34)
Số ngày	3	6	10	5	6

Số ngày có nhiệt độ thấp hơn  $25^{\circ}C$  là

- A. 10.    B. 9.    C. 19.    D. 3.

**Câu 48.** Cho hai đường thẳng phân biệt  $a, b$  và mặt phẳng  $(\alpha)$ . Giả sử  $a // b$ ,  $b // (\alpha)$ . Khi đó:

- A.  $a$  cắt  $(\alpha)$ .    B.  $a // (\alpha)$ .    C.  $a \subset (\alpha)$ .    D.  $a // (\alpha)$  hoặc  $a \subset (\alpha)$ .

**Câu 49.** Biết độ dài  $c, b, a$  các cạnh tam giác  $ABC$  vuông tại  $A$  theo thứ tự lập thành cấp số nhân. Tìm công bội  $q$  của cấp số nhân đó.

- A.  $q = \frac{\sqrt{5}+1}{2}$ .    B.  $q = \sqrt{\frac{\sqrt{5}-1}{2}}$ .    C.  $q = \frac{\sqrt{5}-1}{2}$ .    D.  $q = \sqrt{\frac{\sqrt{5}+1}{2}}$ .

**Câu 50.** Cho dãy số  $(u_n)$  có số hạng tổng quát là  $u_n = \frac{2n+1}{n+1}, \forall n \in \mathbb{N}^*$ . Số hạng đầu của dãy số là

- A.  $u_1 = 1$ .    B.  $u_1 = \frac{3}{2}$ .    C.  $u_1 = 3$ .    D.  $u_1 = \frac{1}{2}$ .

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT NINH BÌNH  
TRƯỜNG THPT NGÔ THÌ NHẬM

(Không kể thời gian phát đề)

ĐÁP ÁN  
MÔN TOÁN – Khối lớp 11  
Thời gian làm bài : 90 phút

Tổng câu trắc nghiệm: 50.(Mỗi câu 0.2 điểm)

Mã đề Câu	123	058	717	589
1	D	B	B	B
2	A	B	B	D
3	C	D	B	B
4	D	B	B	B
5	D	B	C	B
6	C	B	A	B
7	A	C	C	B
8	C	B	D	D
9	D	D	B	D
10	A	B	B	B
11	B	C	C	A
12	B	C	D	C
13	B	C	D	D
14	D	D	C	C
15	A	C	A	C
16	D	D	C	D
17	B	A	D	B
18	D	C	B	B
19	C	D	C	B
20	C	B	D	B
21	B	C	C	B
22	C	D	C	D
23	C	D	D	C
24	D	C	A	D
25	B	D	B	D
26	C	D	D	D
27	B	B	A	A
28	B	C	D	D
29	D	C	C	B
30	B	D	B	D
31	C	C	C	C
32	D	B	D	C
33	A	B	A	C
34	B	D	B	D
35	B	C	C	B

<b>36</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>C</b>
<b>37</b>	<b>D</b>	<b>A</b>	<b>D</b>	<b>D</b>
<b>38</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>C</b>	<b>C</b>
<b>39</b>	<b>D</b>	<b>D</b>	<b>D</b>	<b>C</b>
<b>40</b>	<b>D</b>	<b>B</b>	<b>D</b>	<b>D</b>
<b>41</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>B</b>	<b>B</b>
<b>42</b>	<b>B</b>	<b>B</b>	<b>B</b>	<b>D</b>
<b>43</b>	<b>D</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>B</b>
<b>44</b>	<b>D</b>	<b>A</b>	<b>C</b>	<b>D</b>
<b>45</b>	<b>D</b>	<b>A</b>	<b>D</b>	<b>C</b>
<b>46</b>	<b>A</b>	<b>D</b>	<b>B</b>	<b>B</b>
<b>47</b>	<b>B</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>B</b>
<b>48</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>D</b>	<b>A</b>
<b>49</b>	<b>D</b>	<b>B</b>	<b>B</b>	<b>C</b>
<b>50</b>	<b>B</b>	<b>B</b>	<b>B</b>	<b>A</b>

Xem thêm: **KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG TOÁN 11**

<https://toanmath.com/khao-sat-chat-luong-toan-11>